

PHẠM TRỪ CHÍ TRONG QUAN NIỆM THẨM MỸ CỦA NGUYỄN CÔNG TRỨ

NGUYỄN NHƯ TRANG (*)

Tóm tắt: Phạm trừ chí được nhắc đến nhiều lần trong các sáng tác của nhà thơ Nguyễn Công Trứ và trở thành quan niệm thẩm mỹ chủ đạo trong tư tưởng của ông. “chí” trước hết là sự biểu hiện chí hướng của một đấng nam nhi luôn khao khát lập nên công danh sự nghiệp; “chí” còn chứa đựng những giá trị về tư tưởng và triết lý của kẻ sĩ về cuộc đời. Bài viết trình bày các khía cạnh biểu hiện của phạm trừ “chí” trong quan niệm thẩm mỹ của Nguyễn Công Trứ.

Từ khóa: Phạm trừ “chí”; quan niệm thẩm mỹ; Nguyễn Công Trứ.

Abstract: Nguyen Cong Tru repeatedly mentioned will in his poetic works, making it a core concept in his aesthetic perception. Will was understood not only as men's desire for achievement but also the philosophy of life of educated men. This article presented the concept of will in Nguyen Cong Tru's aesthetic perception.

Keywords: Will; aesthetic perception; Nguyen Cong Tru.

Ngày nhận bài: 12/9/2019; Ngày sửa bài: 20/9/2019; Ngày duyệt đăng bài: 27/12/2019.

Đặt vấn đề

Trong các sáng tác văn chương trung đại Việt Nam, hiếm có nhà nho, nhà thơ nào lại nhắc nhiều đến phạm trừ “chí” như Nguyễn Công Trứ. Mệnh đề “chí nam nhi”, “chí tang bồng hổ thi”, “chí trượng phu”, “chí anh hùng” được lặp đi lặp lại nhiều lần và trở thành những kí hiệu thẩm mỹ, nó biểu hiện chí hướng và khả năng trác tuyệt tồn tại trong mỗi con người. Đây là một mệnh đề xuyên suốt và chứa đựng những giá trị về tư tưởng, triết lý, quan niệm của kẻ sĩ về công danh, sự nghiệp và về cuộc đời. Nhà nghiên cứu Biện Minh Điển cho rằng: “Mệnh đề “Nam nhi chí” dĩ nhiên không phải chờ đến Nguyễn Công Trứ mới xuất hiện, nhưng trong thơ văn ông nó thực sự trở nên như một tuyên ngôn, một quan niệm nhất quán, bền vững, một tư tưởng sáng tạo hấp dẫn

với nhiều nội dung mới mẻ, độc đáo, ấn tượng, không khuôn sáo. Có thể thấy trong toàn bộ sáng tác của Nguyễn Công Trứ, “chí” hiện lên như một phạm trừ thẩm mỹ trung tâm. Nó là tiêu chí khẳng định sự tồn tại có ý nghĩa của cuộc sống nhân sinh. *Nhân sinh quý thích chí. Hữu chí sự cánh thành. Chí làm nên đấng anh hùng đầu đấy tỏ...*⁽¹⁾.

1. “Chí” - sự biểu hiện chí hướng của đấng nam nhi luôn khao khát lập công danh sự nghiệp

Viết về mệnh đề “chí”, Nguyễn Công Trứ có một vài bài thơ chữ Nôm, hai đôi

(*) Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam.

(1) Biện Minh Điển: *Sự thống nhất những đôi cực trong phong cách nghệ thuật Nguyễn Công Trứ*. In trong Đoàn Tử Huyền (Chủ biên, 2008), *Nguyễn Công Trứ trong dòng lịch sử*, Nxb. Nghệ An - Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông-Tây, tr. 1055.

câu đối, còn chủ đạo là những bài hát nói. Sở dĩ mệnh đề “chí” xuất hiện phổ biến ở thể loại hát nói, bởi đó là “môi trường” phù hợp thể hiện được phẩm chất thi ca, tài năng và cá tính có phần khác người của ông. Thể loại hát nói đã mở ra một không gian tự do, khoáng đạt, không có giới hạn, ở đó nhà thơ thoả chí vẫy vùng trong trời đất, bốn biển, thoả khát vọng lập công danh sự nghiệp của mình. Không ngạc nhiên khi trong các bài hát nói của ông, phạm trù “chí” được thể hiện một cách cô đọng và giàu cảm xúc nhất. Với hơn 60 bài hát nói, có đến gần một phần ba trong tổng số đó nhà thơ nhắc đến “chí nam nhi”, về “cái nợ công danh”, “nợ tang bồng”. Ông đã lấy đi lấy lại như một điệp khúc về chuyện tang bồng hồ thủy, chuyện anh hùng vẫy vùng trong trời đất: *Cũng có lúc mưa tuôn sóng vỗ, / Quyết ra tay buồm lái trận cuồng phong, / Chí những toan xẻ núi lấp sông, / Làm nên đáng anh hùng đầu đầy tổ* (Chí khí anh hùng)⁽²⁾.

Ở Nguyễn Công Trứ, phạm trù “chí” được đặt trong tương quan với thực thể vũ trụ như trời đất, giang sơn, núi sông... Chí của đáng nam nhi được ông thể hiện một cách mạnh mẽ và hào hùng với hình ảnh phi thường: “xẻ núi lấp sông”; hay “chí” còn đồng tồn với các hiện tượng trong tự nhiên như “mây tuôn”, “sóng vỗ”, “cuồng phong”, đó là những hiện tượng tự nhiên đầy thử thách đối với bản lĩnh và khả năng của con người. Nhà nghiên cứu N.I. Niculin đã nhận định: “Trong nhiều bài thơ viết theo thể loại ca trù mà chính ông đã có công đưa vào văn học Việt Nam, nhà thơ đã tạo nên hình tượng gợi nhớ đến kiểu người tráng sĩ anh hùng ca. Đó là

đáng quân tử tiết tháo tìm kiếm vinh quang cho bản thân và khao khát lập nên những chiến công. Trong luận thuyết của Nguyễn Công Trứ, ông thể hiện chí anh hùng tự do đích thực⁽³⁾. Trong quan niệm Nho giáo, những kẻ sĩ được học hành, tu dưỡng, rèn luyện bao giờ cũng xác lập cho mình một vị thế riêng mà ở đó, chí hướng, khát vọng lập thân, làm việc lớn được bắt nguồn ngay từ giáo lý của nho gia. Cái chí của kẻ sĩ vừa là lý tưởng, lại vừa là ý chí và khả năng để thực hiện lý tưởng, điều đó lý giải vì sao mệnh đề chí trong sáng tác của Nguyễn Công Trứ thể hiện khá rõ khát vọng lớn lao của kẻ sĩ muốn xoay chuyển đất trời, muốn lập nên nghiệp lớn và muốn khẳng định tài năng vốn có của bản thân trước cõi trời đất và trong cõi người ta. Ông muốn xác lập một thứ công danh gắn liền với non sông, đất nước. Ông thường đặt mình trong tương quan với vũ trụ, tự nhiên; sánh với các anh hùng hào kiệt, các danh nhân trong lịch sử; tạo cho mình một tư thế hiên ngang, mạnh mẽ để hành động và cống hiến.

Với nhà Nho Nguyễn Công Trứ, mẫu người mà ông đề cao không phải là mẫu người thích an nhàn, ẩn dật mà phải là người biết hành động, biết xông pha, tung hoành ngang dọc để trả được món nợ của đáng nam nhi với cuộc đời - “món nợ giang

⁽²⁾ Đoàn Tử Huyền (Chủ biên, 2008), *Nguyễn Công Trứ trong dòng lịch sử*, Nxb. Nghệ An - Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông - Tây, tr. 129 (Các trích dẫn thơ văn Nguyễn Công Trứ trong bài đều theo sách này).

⁽³⁾ N.I. Niculin: *Nguyễn Công Trứ - Làm nên đáng anh hùng đầu đầy tổ*, in trong Đoàn Tử Huyền (Chủ biên, 2008), *Nguyễn Công Trứ trong dòng lịch sử*, Nxb. Nghệ An - Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông-Tây, tr. 626-627.

san”: *Vòng trời đất dọc ngang dọc,/ Nợ tang bổng vay giả giả vay./Chí làm trai Nam Bắc Đông Tây,/Cho phí sức vẫy vùng trong bốn bể.* (Chí khí anh hùng).

Trong xu hướng thẩm mỹ hướng tâm, nhập thế và hành đạo, Nguyễn Công Trứ coi việc thể hiện chí nam nhi của mình như một dạng tuyên ngôn về cuộc sống. Ngay trong cách gọi tên của kẻ sĩ, ông thường dùng từ ngữ như “nam nhi” hay “nam tử”. Điều này xuất phát từ ý thức đề cao và đặt niềm tin lớn vào chính bản thân và những kẻ sĩ đương thời. Bài hát nói “*Chí nam nhi*” đã thể hiện một cách đầy đủ những khát vọng mà bản thân Nguyễn Công Trứ muốn nói về lý tưởng của kẻ sĩ: *Thông minh nhất nam tử,/ Yếu vi thiên hạ kỳ./Trót sinh ra thời phải có chí chi,/Chẳng lẽ tiêu lương ba vạn sáu.* (Chí nam nhi).

Đã sinh ra là một người thông minh thì bản thân ắt phải trở nên một bậc kỳ tài trong thiên hạ; nhà thơ ý thức rõ ràng, những người thông minh, tài năng khi đã trót sinh ra trong trời đất và tồn tại trong cõi nhân gian, được hưởng một kiếp nhân sinh với khoảng thời gian “ba vạn sáu ngàn ngày” (một trăm năm) “thời phải có cái chi chi”. Suốt một cuộc đời tồn tại phải để lại cho giang sơn xã tắc tiếng thơm lưu truyền, mà điều ta thường gặp ở ông đó là khát vọng lập công danh, và sự thực, sự nghiệp lẫy lừng ông có được đã lưu danh thiên cổ. Mặc dù con đường để lập công danh ấy đầy rẫy những chông gai, không phải lúc nào cũng bằng phẳng bởi sự đố kỵ của con người và tạo vật; tuy nhiên, ở Nguyễn Công Trứ luôn là niềm khát khao mãnh liệt đối với công danh, ông khẳng

định quyết tâm cao độ: *Đổ kỹ sá chi con tạo,/ Nợ tang bổng quyết giả cho xong./Đã xông pha bút trận thì găng gỏi kiếm cung./ Làm cho rõ tu mi nam tử.* (Chí nam nhi).

Có một điều đặc biệt là ở Nguyễn Công Trứ, sức phấn đấu của một kẻ sĩ, một đấng trượng phu thật mạnh mẽ và bền bỉ, ông nêu ra mục đích và quyết tâm của mình “quyết trả”, “găng gỏi”, “làm cho rõ” như một sự thể hiện ý chí và nghị lực lớn lao của bản thân. Chỉ khi có khát vọng lớn, có quyết tâm cao độ và tài năng thiên bẩm mới đủ can đảm tuyên ngôn vượt qua những ghét ghen của tạo hoá, của con người tạo ra để thử thách người quân tử: *Đường công danh sau trước cũng là thường./Con tạo hoá sao dường ghen ghét mãi./Duyên nợ thủy còn dành cơ hội lại./Quyết tang bổng cho phí chí trượng phu.* (Có chí thì nên).

Khác với các nhà nho truyền thống thường giấu mình chờ thời, đợi thời để mong có cơ hội làm nên nghiệp lớn, ở nhà nho tài tử Nguyễn Công Trứ không hề thấy e ngại hay giấu giếm những khát vọng chính đáng của bản thân. Ông tuyên bố khát vọng ấy như một lẽ sống, một tuyên ngôn nhằm làm rõ chí hướng và con đường lập công danh sự nghiệp của mình. Vì thế, chí nam nhi đã trở thành một mệnh đề trong quan niệm thẩm mỹ của nhà thơ. Trong cuộc đời và trong sáng tác văn chương, ông bộc bạch hết những suy nghĩ và mong muốn chính đáng của mình cho người đời thấy, đó cũng là sự biểu hiện tính cách của một con người thẳng thắn, trung thực và đầy quyết tâm.

Trong cuộc đời làm quan, Nguyễn Công Trứ bằng ý chí và nghị lực của bản thân

đã vượt lên được hoàn cảnh khó khăn khi chưa đỗ đạt thành danh, ông thể hiện hình tượng con người cá nhân với tư cách là một đấng trượng phu luôn sánh ngang tầm vũ trụ: “Trong vũ trụ đã dành phận sự/ Phải có danh mà đối với núi sông”. Phạm trù “chí” được ông thể hiện một cách dứt khoát, các bài thơ, câu thơ và mạch thơ luôn toát lên một tinh thần tự tin và lạc quan vô bờ bến: *Độc thư thiên bát phụ/Hữu chí sự cánh thành*. (Trời không phụ người đọc sách,/Có chí thời việc sẽ thành) (Có chí thì nên).

Trong không gian xã hội Nho giáo, kẻ sĩ có một con đường dẫn thân, tiến thân chính thống là chăm chỉ “dùi mài kinh sử”, sau đó đi thi với mong muốn đỗ đạt cao, được vinh danh, ra làm quan. Nguyễn Công Trứ cũng không phải ngoại lệ, ông là người được đào tạo bài bản nơi “cửa Khổng, sân Trình”, đi thi và đỗ đạt (dù muộn); từng là kẻ sĩ được “vua biết mặt, chúa biết tên”. Tuy nhiên, khác với những kẻ sĩ đương thời, Nguyễn Công Trứ đi thi, đỗ đạt, ra làm quan chỉ là một phương tiện để ông có cơ hội đem tài năng, chí lực và sở trường của mình gia nhập thế cuộc và hành đạo. Khả năng thiên bẩm của ông không chỉ dừng lại ở lĩnh vực văn chương mà còn được thể hiện trong lĩnh vực quân sự và kinh tế: *Đã xông pha bút trận thì gắng gói kiếm cung/Làm cho rõ tu mi nam tử*. Phạm trù “chí” trong sáng tác của ông vừa thể hiện triết lý của văn, lại vừa có cái mạnh mẽ, dứt khoát của võ. Điều này một phần lý giải vì sao những yếu tố, hình ảnh, tình huống phi thường lại xuất hiện phổ biến trong các sáng tác văn chương của ông.

2. “Chí” mang những giá trị về tư tưởng và triết lý của kẻ sĩ về cuộc đời

Với mong muốn thực hiện được “chí làm trai” của mình, ngay cả trong hiện thực cuộc sống và trong sáng tác văn chương, Nguyễn Công Trứ chưa khi nào thôi day dứt về lý tưởng của bản thân, lý tưởng của kẻ sĩ.

Trong một số bài hát nói, Nguyễn Công Trứ lấy tiêu đề từ phạm trù “chí”, tiêu biểu như bài “Chí nam nhi”, “Chí khí anh hùng”, “Có chí thì nên”,... điều này thể hiện ở ông luôn khát khao cháy bỏng về một sự nghiệp lớn. Nhà nghiên cứu Hoàng Ngọc Hiến nhận xét: “Nguyễn Công Trứ là người có chí lớn. Và ông tưởng rằng chí “tang bổng hồ thi”, chí “xẻ núi lấp sông” của ông chỉ có thể vẫy vùng cho phi sức trong không gian lớn ở bên ngoài ông: “giang sơn”, “trời đất”, “vũ trụ”...”. Nguyễn Công Trứ thể hiện chí của mình trước không gian vũ trụ và tự nhiên một cách tự do, phóng khoáng: *Làm tài trai chí sợ áng công danh* (“Quần tử cố cùng”) mặc dù ông luôn tự đặt mình trong cõi trời đất này với xung quanh là nhiều cái nợ của cuộc đời: *Tang bổng là cái nợ* (Quần tử cố cùng). Chỉ khi nào ông trả được các món nợ ấy thì mới được *Thành thời thơ tú rượu bầu*.

Bàn về chí nam nhi trong văn học, Nguyễn Công Trứ không phải là người đầu tiên; trên thực tế, bàn về “nợ tang bổng” trong xã hội phong kiến là các nhà

^(*) Hoàng Ngọc Hiến: “*Dáng kiêu*” và “*cốt kiêu*” của Nguyễn Công Trứ, In trong Đoàn Tử Huyền (Chủ biên, 2008), *Nguyễn Công Trứ trong dòng lịch sử*. NXB Nghệ An - Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông-Tây, tr. 940.

Nho thể hiện sự khát khao được lập công danh, được có vị trí xứng đáng trong triều đình. Nguyễn Công Trứ không phải là người ham hư danh, thích quyền cao chức trọng như nhiều vị quan lớn khác, ý chí, nghị lực và niềm khát khao thoả “chí tang bồng” của ông xuất phát từ quan niệm sống khá giản dị và đúng đắn là đã sinh ra ở trong trời đất thì phải có trách nhiệm với cuộc đời này, phải sống làm sao không vô ích, không cảm thấy hổ thẹn với bản thân, với gia đình và với quốc gia, dân tộc. Quan niệm làm trai của Nguyễn Công Trứ bao gồm nhiều yếu tố hội tụ, nói đến tài phải đầy đủ cả tài văn và võ, đạo đức thì phải đủ tam cương ngũ thường, chí của đấng nam nhi phải tung hoành vùng vẫy trong trời đất, xuất xử phải lẽ, có sự nghiệp hiển hách để được lưu danh muôn thuở. Những sáng tác ca ngợi chí làm trai của ông lúc nào cũng mang âm hưởng hào hùng, rắn rỏi, kiên quyết thể hiện chí khí hăm hở, nhiệt huyết trước vận mệnh của đất nước, của nhân dân, “cái ưu điểm trong quan niệm chí nam nhi của Nguyễn Công Trứ là nó khẳng định một cách dứt khoát vai trò tích cực của con người trong xã hội. Trên quá trình suy đồi của ý thức hệ phong kiến Việt Nam, giai cấp thống trị không thấy được vai trò chủ động và tích cực của con người”⁽⁵⁾. Quan niệm của Nguyễn Công Trứ về chí làm trai cũng là quan niệm truyền thống của thanh niên trí thức Việt Nam kiên trì tu thân, rèn luyện ý chí, tài năng và đạo đức, sẵn sàng giúp đời, lập nên sự nghiệp hơn người.

Phạm trù “chí” trong sáng tác của

Nguyễn Công Trứ thể hiện quan niệm sống của người anh hùng, đó là sự tự lập, không dựa dẫm. Vì thế, con người cá nhân trong sáng tác của ông mang một tính cách có phần khác với những người cùng thời. Theo Nguyễn Công Trứ, chí nam nhi không phải là ý chí của con người đi ngược dòng với thời đại, mà nó mạnh mẽ, tự tin, thôi thúc và quyết liệt hơn so với các nhà nho đương thời. Nguyễn Công Trứ không hề than vãn với xã hội, sâu bi cho thế thái nhân tình hay thể hiện sự bế tắc, bi quan trước cuộc đời đen bạc mà luôn có khát khao lớn: *Quyết tang bồng cho phỉ chí trượng phu; Làm nên đấng anh hùng đâu đấy tổ.*

Nguyễn Công Trứ vốn là một nhà nho tài tử, ông tự nhận định về bản thân và trách nhiệm của mình đối với cuộc đời, ông so sánh mình với thiên hạ, khẳng định tài năng và khoa danh của cá nhân: *Duyên ngư thuỷ còn dành cơ hội lại, Quyết tang bồng cho phỉ chí trượng phu. Trong trần ai ai kém ai du, Tài bộ thế khoa danh ừ lại có. (Có chí thì nên).*

Ông là người luôn hành động và ưa hành động, sẵn sàng đem hết tài năng, trí lực của mình để phục vụ cho đời. Chí nam nhi của ông không chỉ là sản phẩm của tình cảm mà còn là sản phẩm của lý trí. Tuy nhiên, dù ông có đề cao con người cá nhân đến mức nào đi chăng nữa thì sự tác động của Nho giáo vẫn có ảnh hưởng bao trùm lên tư tưởng và sáng tác của ông. Dù tính khí của ông có khoáng đạt, ngang tàng, ngông, ngất ngưỡng đến mấy thì vẫn

⁽⁵⁾ Đoàn Tử Huyền (Chủ biên, 2008), *Nguyễn Công Trứ trong dòng lịch sử*, Nxb. Nghệ An - Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông-Tây, tr.667.

không thể thoát khỏi cái "lồng" chật hẹp của đạo quân thân và lễ giáo Nho gia: *Giang sơn dành có cây nơi mình, /Mà vội mĩa tài tình chỉ mấy nhĩ, /Đã sinh ra ở trong phù thế, /Nợ trần ai quyết sẽ tính xong, /Nhấn lời nói với non sông, /Giang sơn hồ dễ anh hùng mấy ai, /Thanh vân trông đó mà coi. (Có chí thì nên).*

Nguyễn Công Trứ sinh ra và lớn lên vào giai đoạn xã hội Việt Nam có nhiều biến động lớn và phức tạp cả về chính trị, kinh tế và văn hoá. Bối cảnh, vương triều nhà Hậu Lê sắp bị lật đổ; vương triều nhà Nguyễn trên đà chiến thắng. Khi quyền lực được củng cố, nhà Nguyễn ra sức khôi phục học thuyết Nho giáo vốn đang ở vào thời kỳ khủng hoảng. Khác với người cha của mình, Nguyễn Công Trứ không phải chịu ơn mưa móc của vương triều trước, ông nhập thế một cách hăm hở với triều đại mới và mang trong mình hoài bão về sự nghiệp lớn lao, cao cả. Trong bối cảnh đó, *chí nam nhi* ở Nguyễn Công Trứ là một trạng thái tâm lý của kẻ sĩ muốn vươn lên, vượt lên chính bản thân mình và thời đại. Một mặt, ông ngợi ca luân lí Nho giáo, đề cao sự can đảm của con người; một mặt ông tôn vinh bản lĩnh cá nhân và tài năng thiên bẩm ở con người. Cả hai mặt thoạt nghe tưởng như mâu thuẫn, đối nghịch nhau nhưng thực chất lại bổ trợ cho nhau, cùng tạo động lực để cho ông vừa hưởng thụ vừa cống hiến một cách tận lực: *Cuộc trăm năm chữ "Tố hành hổ" /Bể khu xử quy mô hoàn tự biệt, /Cung tường ấy cho thiên hạ biết, /Biết rằng ai to nhỏ nhỏ to, /May ra mở mặt rừng Nho, /Quần dân một gánh giang hồ cũng*

xong. /Nam nhi đáo thử thị hùng. (Bốn bề là nhà).

Nhìn từ góc độ lịch sử, tất cả những bài về phạm trù "chí" đều được sáng tác khi ông phụng sự cho vương triều nhà Nguyễn. Điều này cho thấy, trong sự nghiệp của mình, Nguyễn Công Trứ đã thể hiện rõ chí hướng, cách hành xử thống nhất theo một con đường đã lựa chọn. Phạm trù "chí" trong sáng tác của ông mang những nét hào hùng, thể hiện một bản lĩnh lớn, một tâm hồn trong sáng với khí phách và khát vọng chính đáng của một tài năng lớn. Trong suốt sự nghiệp làm quan, ở ông đã diễn ra vô số các hoạt động tích cực trên nhiều phương diện, ở nhiều vùng đất của quốc gia; cũng đã phải trải qua những chông gai, thăng trầm, nhưng ông luôn nỗ lực, tự tin vượt lên với lòng say mê cống hiến và hoạt động không biết mệt mỏi. Ngay cả khi đã về già (ngoài tám mươi tuổi), ông vẫn xin nhà vua cho cầm quân đánh giặc Pháp: *Con tạo ghét ghen chi mấy những, /Anh hùng gặp gỡ nhần làm sao, /Hội phong vân biết có dường nào, /Minh một bóng dành rằng nông nổi thế, /Hỏi thư kiếm có hay chãng nhẽ, /Nợ tang bỗng giả dạng lúc này chãng, /Ra tay chữa lệch cho bằng. (Đi quân thứ).*

Phạm trù "chí" biểu hiện một tinh thần nhập cuộc, hướng tâm, hành đạo với mong ước đền ơn vua, thỏa khát vọng lập công danh, sẵn sàng xả thân mình vì giang sơn xã tắc của nhà Nho chân chính Nguyễn Công Trứ. Chí nam nhi vì thế đã trở thành một mệnh đề quan trọng trong cách hành xử của ông trước cuộc đời. Nhà nghiên cứu Trần Nho Thìn cho

rằng: “Chí nam nhi của Nguyễn Công Trứ là tinh thần nhập thế tích cực của nhà nho vốn được giáo dục niềm tin về nguồn gốc vũ trụ thiêng liêng của một nhân cách và tài năng của mình, muốn đem tài năng ấy cống hiến cho sự nghiệp cứu chúa an dân và đã nhận ra điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện lí tưởng đó”⁽⁶⁾. “Chí” đối với nhà thơ đã trở thành một lí tưởng cao đẹp mà người làm trai nếu không thực hiện được thì chẳng còn là chính bản thân mình, tồn tại trong nhân gian cũng chỉ là vô nghĩa: *Không công danh thời nát với cỏ cây*.

Kết luận

Văn học Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX chứng kiến sự xuất hiện của các nhà nho tài tử một mẫu hình nhà nho mà trước đó chưa từng có, hoặc không rõ ràng. Ở giai đoạn cùng thời với Nguyễn Công Trứ, các nhà nho tài tử, ít hay nhiều đã thể hiện bản ngã của mình, dám nói, dám làm, dám hành động một cách mạnh mẽ, dứt khoát nhằm thực hiện khát vọng và thoả mãn tài năng thiên bẩm. Nguyễn Công Trứ là người nằm trong số ấy và khá nổi bật. Ông không ngần ngại nói về mình, “chí” được ông đề cập đến như một lẽ sống còn của cuộc đời, là “kim chỉ nam” của mọi hành động. Với ông, chí nam nhi là một quan niệm cao cả về sự nghiệp cá nhân của kẻ sĩ, ở đó có sự tổng hợp của khát vọng và tài năng của kẻ làm trai, nó bao gồm chí khí anh hùng và cái nợ tang bồng hồ thỉ, tiết khí trượng phu với cái mộng công hầu khanh tướng, tài năng cùng với ham muốn lưu danh trong trời đất. Nguyễn Công Trứ nhắc đến

“chí” với vai trò quan trọng và tích cực của con người trong xã hội. Một điều cần khẳng định, Nguyễn Công Trứ không chỉ nói suông, nói cho thoả mãn tâm trạng trong khi ngẫu hứng, ông thể hiện *chí nam nhi, chí làm trai, chí anh hùng, chí trượng phu* của mình bằng hành động cụ thể và quyết liệt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lý Trạch Hậu (2002), *Bốn bài giảng mỹ học* (Trần Đình Sử và Lê Tầm dịch), Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Đoàn Tử Huyền (chủ biên 2008), *Nguyễn Công Trứ trong dòng lịch sử*, Nxb. Nghệ An, Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông-Tây.
3. Trần Đình Hượu (1998), *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
4. Trần Đình Hượu (2002), *Các bài giảng về tư tưởng phương Đông*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Trần Nho Thìn (2012), *Văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XIX*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
6. Nguyễn Đăng Thục (1950), *Triết lý nhân sinh của Nguyễn Công Trứ*, Tổng Giám đốc thông tin xuất bản, Hà Nội.
7. Lê Thuộc, Hoàng Ngọc Phách, Trương Chính (1958), *Thơ văn Nguyễn Công Trứ*, Nxb. Văn hoá, Hà Nội.

⁽⁶⁾ Trần Nho Thìn (2008), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hoá*. Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 506.